

SINH KẾ VEN BIỂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI

SỰ KẾ THỪA VÀ NHỮNG ĐỔI THAY

NGUYỄN ĐĂNG TUẤN

Phó Giám đốc Trung tâm Ứng dụng và Thống kê KH&CN Quảng Bình

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, sinh kế (SK) đã, đang là một trong những vấn đề được quan tâm hàng đầu của các quốc gia đang phát triển. Việc định hướng tiếp cận và sử dụng hợp lý, có hiệu quả các nguồn lực sẽ tạo điều kiện đẩy mạnh phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo và phát triển cộng đồng bền vững của các quốc gia. Cùng với miền núi, vùng biển và ven biển luôn có một vị trí đặc biệt quan trọng trong đời sống kinh tế, xã hội, chính trị, an ninh quốc phòng và môi trường sinh thái của cả nước. Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã có nhiều chủ trương và chính sách ưu tiên phát triển vùng núi, vùng biển, ven biển và nông thôn; đầu tư nhiều chương trình, dự án để tập trung đẩy mạnh phát triển kinh tế tại các vùng núi, vùng biển và ven biển, điển hình như Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 4/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về “Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020”; Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 9/2/2007 của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa X) về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 và mới nhất là Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XII) về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 với mục tiêu đưa Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh; đặt cơ bản các tiêu chí về phát triển bền vững kinh tế biển; hình thành văn hóa sinh thái biển; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu;...; những thành tựu khoa học mới, tiên tiến, hiện đại trở thành nhân tố trực tiếp thúc đẩy phát triển bền vững kinh tế biển.

Các vùng nông thôn, ven biển với vị trí là môi trường trung gian chịu sự tác động qua lại giữa đô thị và nông thôn ven biển, là nơi chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ quá trình chuyển dịch nông nghiệp sang phi nông nghiệp, có vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế của đất nước. Thành phố (Tp) Đồng Hới là trung tâm hành chính của tỉnh Quảng Bình. Vùng ven biển Tp. Đồng Hới gồm có 3 xã/phường: Quang Phú, Bảo Ninh và Hải Thành có 18.097 nhân khẩu với tổng diện tích 2.198ha, chiếm 14,3% tổng diện tích của thành phố. Kinh tế biển, nhất là kinh tế thủy sản là thế mạnh và là lực lượng kinh tế chủ yếu của cộng đồng cư dân ven biển Tp. Đồng Hới. Hiện tại, có khoảng 1.986 hộ sản xuất ngư nghiệp, chiếm khoảng 51% tổng số hộ ven biển thành phố, với khoảng 4.410 lao động hoạt động ngư nghiệp trực tiếp, chiếm khoảng 48,6% tổng lực lượng lao động của ba xã/phường ven biển và chiếm 8,2% tổng lao động toàn thành phố. Ngành thương mại, dịch vụ, du lịch ven biển Tp. Đồng Hới đã có bước phát triển vượt bậc. Doanh thu từ thương mại, dịch vụ, du lịch đã đóng góp vào ngân sách Tp. Đồng Hới khá lớn, từ nguồn nhân sách đó đã hỗ trợ cho các địa phương ven biển phát triển hạ tầng, phát triển các loại hình kinh tế, thúc đẩy các dịch vụ công cơ bản như y tế, giáo dục, cơ sở hạ tầng dân sinh (điện, đường, nước sạch,...) và an sinh xã hội. Trong những năm gần đây, các xã/phường ven biển Tp. Đồng Hới đã có nhiều khởi sắc về các mặt kinh tế, xã hội, y tế, giáo dục... Tuy nhiên, nhìn chung những sự thay đổi đó vẫn đang trong tình trạng kinh tế chưa cao. Vì vậy, việc nghiên cứu tìm hiểu thực trạng SK của người dân ven biển Tp. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình từ trong truyền

thống đến hiện tại sẽ giúp làm rõ tính tương đồng và khác biệt về SK của cư dân ven biển Tp. Đồng Hới; phân tích tính bền vững về kinh tế, xã hội, môi trường của các SK hiện tại của cư dân ven biển Tp. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, từ đó đề xuất một số giải pháp để nâng cao SK của người dân ven biển này là việc làm thiết thực hiện nay. Trong bài viết này sẽ giới thiệu về sự kế thừa và những đổi thay của hoạt động SK người dân ven biển Tp. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình từ trong truyền thống và hiện nay.

2. Sinh kế truyền thống và hiện nay: Sự kế thừa và những đổi thay

2.1. Sự kế thừa sinh kế

Sự kế thừa về văn hóa truyền thống biển

Buổi sơ khai, người Việt, chủ nhân văn hóa khảo cổ tiền Đông Sơn và Đông Sơn với hoạt động kinh tế chính là “nền nông nghiệp trồng lúa nước và nghề làm vườn, chăn nuôi gia súc”, vốn không có nguồn gốc biển mà cơ bản họ là cư dân sống ở vùng trước núi (gồm cả trung du) tràn xuống khai thác đồng bằng lầy trũng, rồi lấn biển và khai thác biển. Trong quá trình phát triển của mình, nhất là khi họ quai đê lấn biển và “Nam tiến”, chất “biển” trong văn hóa của họ càng tăng lên. Họ từ trung du xuống khai thác đồng bằng lầy trũng sông Hồng rồi tiến ra quai đê lấn biển mở đồng bằng làm nông nghiệp và khai thác biển; hiện trạng đó đặt họ ở vào thế “đứng trước biển”, nên họ phải tự mình tích lũy kinh nghiệm về biển để chế ngự, khai thác và chinh phục biển cả. Và trong quá trình Nam tiến, khi vào vùng đất miền Trung, do địa hình đồng bằng nhỏ hẹp, “buộc lớp tiền nhân phải ứng xử một cách hợp lý trước cảnh quan biển núi cận kề, đất đai khai thác ruộng ít ỏi”¹, họ phải mở rộng hoạt động kinh tế khai thác



Mô hình trồng rau sạch trên cát ở xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới

Ảnh: TL

biển, hơn nữa biển nơi đây phong phú lưu lượng hải sản, nên kinh nghiệm khai thác, chinh phục biển của con người miền Trung càng được nâng cao. Thêm vào đó họ đã tiếp nhận truyền thống biển từ người Chăm. Một minh chứng cho sự tiếp nhận truyền thống chinh phục biển của người Chăm là kỹ thuật đóng thuyền của người Việt với chiếc ghe bầu và nhiều tri thức dân gian về biển, về các loài cá và kỹ thuật đánh bắt hải sản, ở các phong tục, tín ngưỡng và nghi lễ liên quan đến nghề đi biển của cư dân miền Trung... nên chất biển, văn hóa biển trong con người miền Trung đã kết tinh đậm nét, sâu sắc.

Trong lịch sử hình thành làng xã tỉnh Quảng Bình nói chung và vùng ven biển Tp. Đồng Hới nói riêng, nguồn gốc cư dân ở đây đa số đều bắt nguồn các tỉnh ngoài Bắc (chủ yếu là từ Thanh Hóa). Các làng ngư nghiệp ở vùng này cũng thuần nhất hơn, việc khai thác thủy hải sản chiếm tỷ lệ cao so với nông nghiệp. Điều này có thể giải thích bằng nhiều nguyên nhân. Trước nhất, vùng biển này sâu (khoảng trên 200m), có dòng hải lưu nóng lạnh mạnh nên có nhiều động vật phù du, khiến đàn cá hội

¹Nguyễn Hữu Thông (2009), *Những nhận định khái quát về miền Trung Việt Nam trong bối cảnh đất nước và khu vực*, trong “Phân viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam tại Huế, *Nhận thức về miền Trung Việt Nam, hành trình 10 năm tiếp cận*”. Nxb Thuận Hóa, Huế, tr.29.

tụ với mật độ cao, do vậy sản lượng đánh bắt lớn hơn so với vịnh Bắc Bộ. Thứ hai, người Việt vào nơi đây đã tiếp thu truyền thống khai thác biển của người Chăm và cuối cùng, sống ở vùng đất miền Trung đồng bằng nhỏ hẹp, dân cư nơi đây phải tính đến các hoạt động khác ngoài nông nghiệp và do đó ngư nghiệp đánh bắt hải sản vùng ven biển là một sự chọn lựa tất yếu để cung cấp nguồn sản phẩm biển (hải sản, muối) cho cư dân nông nghiệp.

Trong văn hóa truyền thống biển của cộng đồng cư dân nơi đây là truyền thống “biển cận duyên”. Từ nhiều cứ liệu khác nhau cho thấy, từ xưa, họ đã có những mối quan hệ với biển, nhưng chỉ dừng lại ở biển cận duyên. Minh chứng cho điều này là trước những năm 2000, các hoạt động khai thác đánh bắt thủy hải sản ven biển Tp. Đồng Hới có đầy đủ các nghề đặc trưng vùng biển miền Trung như nghề xăm tử, bóng khơi, lưới rê, đánh ruốc, bủa câu, mảnh chột, vây, câu... Hoạt động khai thác, đánh bắt chủ yếu gần bờ với các tàu thuyền nhỏ công suất thấp, ngư lưới cụ còn thô sơ. Tuy hoạt động sinh kế biển cận duyên là nghề thu nhập chính nhưng hiệu quả đem lại không cao. Trong những năm gần đây đã có những bước chuyển mới trong việc khai thác đánh bắt hải sản. Người dân đang chuyển từ khai thác đánh bắt cận duyên sang vươn khơi, tiếp cận với biển đại dương.

Ngoài ra, trong quá trình khai phá, định cư, quá trình bám biển, chinh phục biển, bảo vệ và quản lý vùng biển đảo, cộng đồng dân cư ven biển Tp. Đồng Hới đã sáng tạo nên nhiều di sản văn hóa biển. Đó là văn hóa của những làng ngư với phong tục tập quán, lễ hội, nghi thức truyền thống gắn liền với môi trường biển. Một trong những sắc thái văn hóa biển Quảng Bình là tín ngưỡng thờ ngư Ông và Lễ hội Cầu ngư. Đây là tín ngưỡng thờ cá voi, như thờ phụng vị thần góp phần tạo sự yên bình trong đời sống tâm linh của cộng đồng ngư dân nơi đây và đã trở thành một sinh hoạt văn hóa cộng đồng của cư dân biển, lưu giữ những giá trị văn hóa - nhân văn, là dịp để điều tiết đời sống tâm

linh mang lại niềm vui, niềm tin, sự hưng phấn cho ngư dân để bước vào mùa ra biển mới. Lễ hội Cầu ngư mang đậm nét truyền thống và văn hóa tâm linh của ngư dân miền biển với mục đích bày tỏ lòng thành kính đối với các bậc tiền nhân cũng như cầu mong mưa thuận gió hòa cho một năm đánh bắt bội thu.

Quá trình chung sống với biển cả để sinh tồn và phát triển đã tạo ra những giá trị lớn về kinh nghiệm thích ứng với đại dương hình thành nên kho tàng tri thức vô cùng phong phú về biển của cư dân vùng duyên hải nơi đây. Đó là các tri thức về nhận biết sự vận hành hải lưu, khí hậu biển, tri thức về thời tiết, về ngư trường, luồng lạch, kinh nghiệm sống và làm ăn gắn với môi trường biển đảo; kỹ thuật chế tạo ngư cụ, phương tiện đi lại trên biển. Đó là kỹ thuật khai thác tài nguyên biển, nghệ thuật chế biến, bảo quản hải sản và kinh nghiệm giao lưu hàng hóa,... Các tri thức ấy đã và đang là những nguồn hiểu biết về biển đảo vô giá mà người dân đã sáng tạo, đúc kết và truyền lại qua các thế hệ. Một trong những di sản văn hóa biển Quảng Bình còn là các ngành nghề truyền thống - thành tố quan trọng cấu thành đời sống vật chất của cộng đồng cư dân ven biển. Trong quá trình thích nghi với môi trường biển đảo để sinh tồn, người dân nơi đây đã phát triển được nhiều ngành nghề kinh tế khác nhau, trong đó tiêu biểu như nghề đánh bắt hải sản, nghề làm muối, nghề chế biến hải sản, nghề vận chuyển đường biển, nghề thương mại đường biển, nghề khai thác các sản vật biển, nghề đóng và sửa chữa tàu thuyền,... Mỗi nghề truyền thống đều mang những giá trị văn hóa đặc trưng, tạo nên nét riêng trong sản xuất và đời sống hằng ngày của cư dân vùng biển đảo nơi đây. Ngoài ra, di sản văn hóa biển Quảng Bình còn được thể hiện ở những thắng cảnh thiên nhiên được hình thành qua hàng triệu năm. Hệ thống thắng cảnh gồm cảnh quan bờ biển, bãi biển, cửa sông, cửa biển, bán đảo. Trong đó, rất nhiều địa danh nổi tiếng được du khách trong và ngoài nước biết đến như: biển Nhật Lệ, biển Bảo Ninh,... Từ những truyền thống văn hóa biển,

di sản văn hóa biển, cộng đồng cư dân ven biển Tp. Đồng Hới đã bảo tồn và phát huy để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ cho cuộc sống nhân dân.

Sự kế thừa về truyền thống cộng đồng

Môi trường tự nhiên hay môi trường xã hội đóng vai trò quan trọng trong hoạt động SK nói riêng và phát triển kinh tế - xã hội nói chung. Phát triển kinh tế - xã hội là quá trình nâng cao điều kiện sống của con người thông qua việc sản xuất ra của cải vật chất, cải tiến quan hệ xã hội và nâng cao chất lượng văn hóa. Quá trình phát triển kinh tế - xã hội không thể tách rời môi trường tự nhiên và người lại, môi trường cũng chịu tác động của sự phát triển kinh tế - xã hội.

Vùng duyên hải miền Trung, trong đó có Quảng Bình hẹp theo chiều ngang Đông Tây, trước mặt là biển Đông, sau lưng là dãy Trường Sơn. Địa hình miền Trung Bộ chia cắt theo chiều dọc Bắc Nam bởi các đèo là những dãy núi đồi tách từ Trường Sơn đâm ngang ra biển. Trong văn hóa biển của người Việt miền Trung, yếu tố biển xen lẫn yếu tố nông nghiệp - đồng bằng và luôn tồn tại những cặp đôi đối lập, song hành với biển. Điều dễ thấy ở môi trường sống vật chất của người Việt là sự đa dạng về sinh thái tự nhiên, trong đó yếu tố đồng bằng cùng với việc phát triển của nền kinh tế nông nghiệp lúa nước là yếu tố nền tảng; yếu tố biển với sức cuốn hút mạnh mẽ đã làm nên một bình diện thứ hai - khai thác biển, vốn đã là nguồn sống của họ từ rất lâu đời. Như vậy, chính sự phong phú của điều kiện tự nhiên là nguyên nhân gốc đưa đến sự phát triển đa dạng của các hình thái kinh tế phát huy sức mạnh từ tự nhiên, nuôi sống con người và phát triển cộng đồng.

Họ đã biết thích nghi với điều kiện tự nhiên của vùng đất để phát triển các loại hình SK. Trong đó, họ tận dụng lợi thế về biển để đẩy mạnh các hoạt động khai thác đánh bắt hải sản từ biển (bao gồm cận bờ và xa bờ) nhằm xác lập nguồn sống chính, SK chủ đạo. Đồng thời, họ khắc phục và thích nghi với điều kiện tự

nhiên không thuận lợi để phát triển các loại hình SK phụ trợ. Đối với vùng ven biển, diện tích đất cát chiếm phần lớn trong tổng diện tích tự nhiên, đất phục vụ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp (trồng trọt và chăn nuôi) rất ít, do vậy ít có điều kiện để phát triển. Các hoạt động sản xuất nông nghiệp chỉ mang tính nhỏ lẻ, quy mô hộ gia đình, sản xuất chủ yếu phục vụ nhu cầu gia đình và các thành viên trong làng xã.

Trong quá trình sinh tồn, họ đã xây dựng nét văn hóa và mối đoàn kết trong hoạt động SK. Đối với Quảng Bình nói chung và Tp. Đồng Hới nói riêng, trong chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, nơi được mệnh danh là “túi bom”, “tọa độ lửa”... dưới mưa bom bão đạn ngư dân vẫn ra khơi bám biển để sản xuất, chiến đấu lâu dài. Thời đó, ngư dân vẫn xây dựng hợp tác xã đánh bắt, tổ, nhóm hỗ trợ nhau trong sản xuất. Ngày nay, với phẩm chất cần cù, chịu thương chịu khó, người dân nơi đây vẫn phát huy truyền thống anh hùng, xây dựng tổ hợp tác đoàn kết để phát triển sản xuất, bảo vệ biển khơi. Các mô hình tổ, đội sản xuất trên biển được hình thành và phát triển đã giúp đỡ nhau chia sẻ được thông tin về ngư trường, thời tiết, kinh nghiệm sản xuất, hỗ trợ nhau xử lý rủi ro trên biển, tổ chức dịch vụ hậu cần, tiêu thụ sản phẩm, tương trợ, giúp đỡ gia đình các tổ viên, phối hợp với các cơ quan chức năng tham gia bảo vệ chủ quyền trên biển. Nhờ đó, đời sống người lao động được cải thiện rõ rệt. Đó là một nét văn hóa, tinh thần đoàn kết trong khai thác, sản xuất, thể hiện tinh thần tương thân, tương ái vì cộng đồng.

Hiện nay, trên địa bàn ven biển Tp. Đồng Hới có hàng chục tổ hợp tác đoàn kết khai thác đánh bắt hải sản (Bảo Ninh: 21 tổ, Quang Phú: 7 tổ), mỗi tổ hợp tác đoàn kết có từ 7-10 tàu công suất từ 400CV đến 700CV, mỗi tháng khai thác 2 chuyến, mỗi chuyến từ 10-12 ngày, tổng thu nhập hàng năm đạt hàng chục tỷ đồng, bình quân thu nhập của thuyền viên từ 8 triệu đồng/tháng, thuyền viên là chủ tàu thu nhập từ 15-20 triệu đồng/tháng. Theo Chủ tịch xã Bảo Ninh - Tổ trưởng Tổ hợp tác khai thác trên biển

xã Bảo Ninh, khi các thành viên tham gia tổ hợp tác sẽ khắc phục được một số yếu kém của kinh tế hộ như thiếu vốn, công cụ, kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất; ngược lại các tổ hợp tác cũng sẽ sử dụng có hiệu quả hơn các nguồn lực về lao động, vật tư và tiền vốn...² Như vậy, tổ hợp tác là bước tiến cao hơn nhằm gắn kết các ngư dân thông qua đánh bắt và tiêu thụ sản phẩm.

2. Những đổi thay

Những đổi thay sinh kế từ tác động của môi trường

Thời gian qua, những tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH) và ô nhiễm môi trường đã ảnh hưởng đến hoạt động SK của người dân ven biển Tp. Đồng Hới. Trong đó, tác nhân môi trường tự nhiên đã có sự thay đổi tạo ra sự thay đổi về môi trường xã hội, đặc biệt là trong các hoạt động SK người dân. Minh chứng cho điều này là sau sự cố môi trường biển đầu năm 2016 do công ty Formosa Hà Tĩnh gây ra đã tác động đến môi trường sống và hoạt động SK của người dân ven biển Tp. Đồng Hới.

Sau khi sự cố môi trường biển xảy ra, hầu như toàn bộ tàu thuyền của ngư dân đều không thể ra khơi, kéo theo đó là bộ phận làm thương mại, dịch vụ, du lịch liên quan cũng bị ảnh hưởng nặng nề.

Trước thực trạng đó, cùng với các hoạt động khắc phục sự cố của công ty Formosa Hà Tĩnh, sự đầu tư hỗ trợ của Đảng và Nhà nước, hoạt động SK người dân đã có sự thay đổi để thích ứng với môi trường. Dẫn chứng là bên cạnh việc tiếp tục duy trì SK truyền thống (khai thác đánh bắt gần bờ) nhưng với số lượng ít vì sản lượng hải sản giảm (do từ sự cố môi trường biển, mặt khác do hoạt động khai thác trái phép nguồn tài nguyên biển theo cách tận thu và hủy diệt), các địa phương ven biển Tp. Đồng Hới đã chuyển đổi từ nghề khai thác đánh bắt gần bờ sang xa bờ.

Hiện nay, trong tổng số 589 chiếc tàu

thuyền ven biển Tp. Đồng Hới, thì có 499 chiếc công suất từ 45 đến trên 90CV đánh bắt xa bờ, chỉ có 90 chiếc công suất từ 20-40CV hoạt động chủ yếu là vùng biển ven bờ. Nhiều ngư dân đã tiếp nhận các nguồn vốn (vay ngân hàng, vay vốn trong họ hàng bạn bè, từ sự hỗ trợ theo Nghị định 67 của Chính phủ...) để cải hoán nâng công suất tàu thuyền trên 90CV thực hiện một số nghề đánh bắt vùng khơi. Ngoài ra, họ đầu tư và trang bị đầy đủ các trang thiết bị hàng hải đảm bảo hoạt động trên các vùng biển. Các thuyền đều sử dụng thiết bị khoa học hiện đại để đánh bắt xa bờ như: thiết bị định vị toàn cầu, máy dự báo thời tiết, máy dò cá... Nhờ đó, sản lượng ngày càng tăng, đời sống ngư dân ngày càng ổn định.

Kết quả điều tra cho thấy, lãi gộp bình của một chiếc tàu/năm khoảng 681 triệu đồng (chưa trừ chi phí lao động do đặc thù tính công của hoạt động ngư nghiệp). Trong đó, nghề khai thác hải sản xa bờ có lãi gộp cao hơn gấp đôi khoảng 1.749 triệu đồng/tàu/năm so với nghề khai thác gần bờ do quy mô sản xuất lớn. Từ đó, thu nhập của các hộ ngư dân ven biển Tp. Đồng Hới ngày càng cao. Bình quân, tổng thu nhập hộ ngư dân hàng năm vào khoảng 138,81 triệu đồng, trong đó thu nhập từ hoạt động ngư nghiệp vào khoảng 117,9 triệu đồng/năm, chiếm 84,9% tổng thu nhập hộ; thu nhập từ hoạt động phi ngư nghiệp khá thấp, bình quân vào khoảng 20,91 triệu đồng/năm, chiếm khoảng 15% tổng thu nhập hộ. Tuy nhiên, thu nhập của các hộ ngư dân giữa các địa phương của Tp. Đồng Hới cũng có sự khác nhau đáng kể. Tổng thu nhập bình quân hộ ngư dân xã Bảo Ninh là cao nhất (146,5 triệu đồng/năm), trong đó thu nhập từ hoạt động ngư nghiệp chiếm tỷ lệ khá cao 89,2%; thấp nhất là phường Hải Thành (88,5 triệu đồng)³.

Những đổi thay sinh kế theo cơ chế kinh tế thị trường

²Ngọc Lan, Tổ hợp tác - Mô hình hợp tác hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp, *Tạp chí Thông tin KH&CN Quảng Bình*, số 2/2015, tr.47.

³Trần Công Thuật (2016), “Nghiên cứu những nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của các hộ ngư dân vùng ven biển thành phố Đồng Hới và đề xuất các giải pháp nâng cao thu nhập người dân”, *Đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh*.

Trong SK truyền thống của người dân ven biển Tp. Đồng Hới vẫn mang tính tự cung tự cấp cao, sản xuất chủ yếu phục vụ nhu cầu gia đình và các thành viên trong làng xã. Trong giai đoạn này tuy đã có sự giao lưu, trao đổi với bên ngoài, chủ yếu là các chợ trong thành phố (trước đây là thị xã) và các vùng lân cận. Người dân đã chủ động đem các sản phẩm thủy hải sản, nông sản đến các chợ địa phương khác để bán, trao đổi nhằm đáp ứng các nhu cầu cơ bản của họ. Sự trao đổi với bên ngoài chỉ với quy mô nhỏ và giá trị thấp. Hầu như các đối tượng thu mua vẫn chưa đến được khu vực. Vì thế, đời sống người dân ven biển còn gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo còn cao.

Dưới tác động của quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa đã làm cho SK ven biển Tp. Đồng Hới có những biến đổi mạnh mẽ và toàn diện.

Trong trồng trọt: Nếu như trước đây hoạt động sản xuất nông nghiệp ven biển là trồng trọt, chăn nuôi thuần nông thì nay dưới sự tác động của nhiều nhân tố, đặc biệt là sự áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật đã có những thay đổi rõ rệt và tiến bộ. Với SK truyền thống, người dân chỉ tập trung chủ yếu vào trồng lúa, cây rau màu với chất lượng giống không cao, ít quan tâm đến khâu chăm sóc... dẫn đến năng suất thấp. Đời sống của người dân gặp nhiều khó khăn. Sau năm 2004, một số hộ dân đã chuyển đổi từ trồng lúa năng suất thấp sang nuôi trồng thủy sản đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn. Ngoài ra, người dân đã ứng dụng KH&CN xây dựng các mô hình trong nông nghiệp theo tiêu chuẩn VietGap... và hướng đến nền nông nghiệp công nghệ cao.

Trong chăn nuôi, người dân đã bắt đầu mở rộng quy mô theo hướng trang trại, gia trại, họ tận dụng những phụ phẩm của ngành thủy sản vào sản xuất và sản phẩm đầu ra đã đáp ứng nhu cầu của thị trường.

Trong nuôi trồng thủy sản, người dân và các doanh nghiệp đã mạnh dạn bỏ vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, đưa các giống vật nuôi mới, hiệu quả cao vào sản xuất như nuôi tôm

thể chân trắng theo hướng công nghiệp và các loài giống cá thủy sản nước lợ, nước ngọt...

Ngành nghề khai thác đánh bắt hải sản, bên cạnh duy trì tàu thuyền công suất nhỏ khai thác gần bờ, thì người dân đã đầu tư tài chính để đóng nhiều tàu thuyền công suất lớn, ứng dụng kỹ thuật công nghệ định vị dò tìm nguồn cá; thay đổi cách đóng thuyền từ gỗ sang đĩnh, đóng tàu từ gỗ sang các vật liệu khác như sắt, composite... đem lại hiệu quả cao.

Ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, bước vào thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa, do sự phát triển của KH&CN, các sản phẩm tiểu thủ công nghiệp phải chuyển đổi để thích ứng với môi trường hoạt động kinh tế và trao đổi thương mại của xã hội. Đối với nghề làm nước mắm, người dân nơi đây vẫn sử dụng quy trình truyền thống, tuy nhiên đã xuất hiện một số mô hình có ứng dụng tiến bộ KHKT như mô hình sản xuất nước mắm bằng năng lượng mặt trời theo chu trình khép kín bảo đảm an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường.

Về thương mại, dịch vụ, sau năm 2004, SK của người dân bắt đầu thay đổi dưới sự dẫn dắt của các yếu tố thị trường và sự hỗ trợ, thúc đẩy của các yếu tố về thể chế, cơ sở hạ tầng...

Với sự phát triển hạ tầng giao thông, người dân bắt đầu có thể sắm các phương tiện giao thông như xe máy, ô tô để vận chuyển sản phẩm thủy hải sản đánh bắt và nuôi trồng đến các chợ ở địa phương và mở rộng ra các chợ khác trong tỉnh một cách dễ dàng hơn. Cùng với quá trình này, một số người thu mua đã bắt đầu tiếp cận địa phương để thu mua sản phẩm và sau đó cung cấp hàng hóa để giảm chi phí đi lại. Vì thế, tạo ra nhiều lựa chọn cho người dân trong quá trình bán sản phẩm. Điều này làm giảm chênh lệch giá cả giữa địa phương và các chợ trong tỉnh.

Quá trình thương mại hóa cũng bắt đầu có những tác động đến SK của địa phương. Sự giao thương với bên ngoài mà đặc biệt là giao thương với Trung Quốc đã hình thành và làm tăng nhanh nhu cầu về các loại cá có giá trị kinh tế cao. Nhu cầu này tạo điều kiện để hình

thành các cơ sở chế biến hay thu mua tại các địa phương lân cận trong thành phố hay các huyện khác trong tỉnh và các tỉnh lân cận như Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Nghệ An và các tỉnh phía Bắc. Bên cạnh đó, sự phát triển của hệ thống viễn thông cũng có vai trò hỗ trợ tích cực trong việc kết nối các cơ sở này đối với những người thu mua địa phương. Từ đó, làm chuyển đổi hoạt động SK của người dân từ đánh bắt các sản phẩm có giá trị thấp sang các sản phẩm có giá trị cao.

Cùng với quá trình trên, thị trường lao động cũng bắt đầu có những thay đổi căn bản khi người dân địa phương, đặc biệt là phụ nữ người không thể tham gia hoạt động khai thác đánh bắt hải sản và lực lượng thanh niên đã tìm cách di cư để tìm kiếm công ăn việc làm ở các tỉnh phía Nam hoặc xuất khẩu lao động ra nước ngoài...

Bên cạnh những thay đổi SK theo cơ chế thị trường, có yếu tố từ nguyên nhân của sự xáo trộn dân cư đã tác động đến sự đổi thay SK hiện nay ở vùng ven biển Tp. Đồng Hới. Sau khi thành lập năm 2004, nhiều chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội cho Tp. Đồng

Hới được triển khai đã tạo nên diện mạo mới cho một thành phố trẻ năng động. Vùng ven biển Tp. Đồng Hới cũng được hưởng lợi từ đó, nhiều quy hoạch đô thị, quy hoạch khu dân cư, khu nghỉ dưỡng du lịch... được triển khai, đi kèm với đó là một lượng dân cư đến định cư và sinh sống tại các địa phương ven biển. Nguồn dân cư này là cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan hành chính nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước và tư nhân; là người dân từ các địa phương trong và ngoài tỉnh... Họ đến đây để tìm nơi cư trú sinh sống, nhưng cũng có một lượng dân cư đến với mục đích để hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ, đặc biệt là lĩnh vực du lịch. Nhờ đó đã đóng góp vào sự phát triển ngày càng lớn mạnh của kinh tế Tp. Đồng Hới nói chung và hoạt động thương mại, dịch vụ, du lịch Tp. Đồng Hới nói riêng.

Có thể nói, SK của người dân ven biển của Tp. Đồng Hới đã có sự chuyển dịch căn bản từ sản xuất tự cung tự cấp sang sản xuất thương mại và định hướng thị trường. Bên cạnh đó, cũng có sự chuyển dịch theo hình thức đa dạng hóa các hoạt động SK và nguồn thu ■

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Văn Mạnh, “Biển và di sản văn hóa biển tỉnh Quảng Bình với chiến lược phát triển bền vững xã hội”, *Tạp chí Thông tin KH&CN Quảng Bình*, số 1/2017.
2. Trần Công Thuật (2016), “Nghiên cứu những nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của các hộ ngư dân vùng ven biển thành phố Đồng Hới và đề xuất các giải pháp nâng cao thu nhập người dân”, *Đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh*.
3. Nguyễn Hữu Thông (2009), *Những nhận định khái quát về miền Trung Việt Nam trong bối cảnh đất nước và khu vực*, trong “Phân viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam tại Huế, Nhận thức về miền Trung Việt Nam, hành trình 10 năm tiếp cận”. Nxb Thuận Hóa, Huế, tr.29.
4. Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Quảng Bình (2014), *Lịch sử Quảng Bình*, Nguyễn Khắc Thái biên soạn. Nxb Chính trị Hành chính.
5. Thành ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN thành phố Đồng Hới (2015), *Đồng Hới - Quê hương và con người*.
6. Ngọc Lan, Tổ hợp tác - Mô hình hợp tác hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp, *Tạp chí Thông tin KH&CN Quảng Bình*, số 2/2015, tr.47.
7. Viện Đông Nam Á (1996), *Biển với người Việt cổ*. Nxb Văn hóa Thông tin.
8. Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Hới, *Niên giám thống kê thành phố Đồng Hới 2010 đến 2017...*